



**Sau Lưng Những Vĩ Nhân**

**Behind The Great Ones**

**2 Ti-mô-thê Timothy 1:3-5**

*Happy Mother's Day*





Tổng thống Abraham Lincoln:

"Bàn tay đẩy nôi, thống trị thế giới."

The hand that rocks the cradle, rules the world



Vĩ Nhân bắt đầu từ mái ấm gia đình...

Great people starts from home...

**Sau Lưng Những Vĩ Nhân là Người Mẹ Tin Kính**

Behind The Great Ones is The Godly Mother

# Ba Lẽ Thật – Three Truths

1. Những người mẹ tin kính là những người phụ nữ có **đức tin chân thành**

Godly mothers are women of **sincere faith**

2. Những người mẹ tin kính... **tôn cao** Lời Đức Chúa Trời và **giáo huấn** con cái của họ trong Lời đó

Godly mothers **honor** God's Word and **train** their children in it

3. Những người mẹ tin kính có **ảnh hưởng lớn** đến con cái của họ

Godly mothers have **great influence** on their children.

1. Những người mẹ tin kính là những người phụ nữ có đức tin chân thành  
Godly mothers are women of **sincere faith** (2 Tim. 1:5)

*Ta cũng nhớ lại **đức tin chân thành** của con, là đức tin từng có trong lòng **bà ngoại con** là cụ Lô-ít, rồi đến **mẹ con** là bà O-nít, ta tin chắc đức tin ấy cũng đang có trong **lòng con**. (2 Ti-mô-thê 1:5)(BDM)*

*I am reminded of your **sincere faith**, which first lived **in your grandmother Lois and in your mother Eunice** and, I am persuaded, now lives **in you also**.*



2. Những người mẹ tin kính... **tôn cao** Lời Đức Chúa Trời  
và **giáo huấn** con cái của họ trong Lời đó (2 Tim 3:14-17)

Godly mothers **honor** God's Word and **train** their children in it

*Nhưng con hãy tiếp tục kiên trì trong những điều con  
đã học và tin quyết, vì biết con đã học với ai, 15 Từ khi  
còn thơ ấu, con đã biết Thánh Kinh có khả năng khiến  
con khôn ngoan để được cứu bởi đức tin trong Chúa  
Cứu Thế Giê-su.*

*But as for you, continue in what you have learned and have  
become convinced of, because you know those from whom you  
learned it, <sup>15</sup> and how from infancy you have known the Holy  
Scriptures, which are able to make you wise for salvation  
through faith in Christ Jesus.*

2. Những người mẹ tin kính... **tôn vinh** Lời Đức Chúa Trời và **giáo huấn** con cái của họ trong Lời đó (2 Tim 3:14-17)

Godly mothers **honor** God's Word and **train** their children in it

*16 Cả Thánh Kinh đều được Đức Chúa Trời thần cảm, có ích cho việc dạy dỗ, khiển trách, huấn luyện con người sống trong công chính, 17 hầu cho người của Đức Chúa Trời được trang bị để làm mọi việc lành.*

*16 All Scripture is God-breathed and is useful for teaching, rebuking, correcting and training in righteousness, 17 so that the servant of God<sup>[a]</sup> may be thoroughly equipped for every good work.*





2. Những người mẹ tin kính... **tôn vinh** Lời Đức Chúa Trời  
và **giáo huấn** con cái của họ trong Lời đó (2 Tim 3:14-17)

Godly mothers **honor** God's Word and **train** their children in it

a) Một người mẹ phải lớn lên trong sự yêu mến Lời  
CHÚA.

A mother must grow in her own love for God's  
Word.

2. Những người mẹ tin kính... **tôn vinh** Lời Đức Chúa Trời  
và **giáo huấn** con cái của họ trong Lời đó (2 Tim 3:14-17)

Godly mothers **honor** God's Word and **train** their children in it

b) Một người mẹ tin kính sẽ dùng Lời CHÚA để dẫn dắt  
con cái đến với đức tin cứu rỗi nơi Đấng Christ.

A godly mother will use God's Word to lead her  
children to saving faith in Christ.

2. Những người mẹ tin kính... **tôn vinh** Lời Đức Chúa Trời  
và **giáo huấn** con cái của họ trong Lời đó

Godly mothers **honor** God's Word and **train** their children in it

c) Một người mẹ tin kính sẽ giáo huấn con cái mình  
cách sống theo Lời CHÚA.

A godly mother will train her children in how to  
live by God's Word.

3. Những người mẹ tin kính có **ảnh hưởng lớn** đến con cái của họ  
Godly mothers have **great influence** on their children. (2 Tim, 1:5; 3:15)

*Ta cũng nhớ lại **đức tin chân thành** của con, là đức tin từng có trong lòng **bà ngoại con** là cụ Lô-ít, rồi đến **mẹ con** là bà Ô-nít, ta tin chắc đức tin ấy cũng đang có trong **lòng con**.*

*I am reminded of your **sincere faith**, which first lived **in your grandmother Lois** and **in your mother Eunice** and, I am persuaded, now lives **in you also***

3. Những người mẹ tin kính có **ảnh hưởng lớn** đến con cái của họ  
Godly mothers have **great influence** on their children. (2 Tim, 1:5; 3:15)

***15*** *Từ khi còn thơ ấu, con đã biết Thánh Kinh có khả năng khiến con khôn ngoan để được cứu bởi đức tin trong Chúa Cứu Thế Giê-su.*

***15*** *and how from infancy you have known the Holy Scriptures, which are able to make you wise for salvation through faith in Christ Jesus.*

# Ba Lẽ Thật – Three Truths

1. Những người mẹ tin kính là những người phụ nữ có **đức tin chân thành**

Godly mothers are women of **sincere faith**

2. Những người mẹ tin kính... **tôn cao** Lời Đức Chúa Trời và **giáo huấn** con cái của họ trong Lời đó

Godly mothers **honor** God's Word and **train** their children in it

3. Những người mẹ tin kính có **ảnh hưởng lớn** đến con cái của họ

Godly mothers have **great influence** on their children.

# Xin cầu nguyện

## Let's Pray

